

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI)

HỘI CHỮ THẬP ĐỎ VIỆT NAM

*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 33 /QĐ-BNV
ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ*

Dân tộc Việt Nam vốn giàu lòng yêu nước, thương người. Càng trong hoạn nạn khó khăn, tinh thần đó càng được nhân lên gấp bội.

Hội Chữ thập đỏ Việt Nam ra đời nhằm kế tục và phát huy truyền thống nhân ái tốt đẹp của dân tộc ta đã được lưu truyền qua bao thế hệ.

Hội được thành lập ngày 23 tháng 11 năm 1946, là thành viên Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế từ ngày 01 tháng 11 năm 1957 và Hiệp hội Chữ thập đỏ - Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế từ ngày 04 tháng 11 năm 1957. Hội do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và làm Chủ tịch danh dự đầu tiên của Hội. Người dạy cán bộ, hội viên: “Phải xuất phát từ tình yêu thương nhân dân tha thiết mà góp phần bảo vệ sức khỏe nhân dân và làm mọi việc có thể làm được để giảm bớt đau thương cho họ”.

Ghi nhớ và thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các thế hệ cán bộ, hội viên, thanh, thiếu niên Chữ thập đỏ đã và đang cống hiến trí tuệ và công sức của mình để xây dựng Hội Chữ thập đỏ Việt Nam ngày càng phát triển và trưởng thành. Từ khi thành lập đến nay, Hội đã có những đóng góp to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hoạt động tích cực vì mục đích nhân đạo, hoà bình, hữu nghị trong phong trào Chữ thập đỏ - Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế.

Bước vào thời kỳ mới, với những thời cơ và thách thức mới, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam càng ra sức phát huy bản chất tốt đẹp, tiếp tục đổi mới, nỗ lực vượt mọi khó khăn, đoàn kết, vươn lên làm nòng cốt trong sự nghiệp nhân đạo của đất nước.

Chương I

TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ

Điều 1. Tôn chỉ, mục đích của Hội

1. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam là tổ chức xã hội nhân đạo của quần chúng. Hội tập hợp mọi người Việt Nam, không phân biệt thành phần dân tộc, tôn giáo, nam nữ để làm công tác nhân đạo.

Hội vận động các cá nhân, tổ chức cùng tham gia các phong trào tương

thân, tương ái, hoạt động nhân đạo phát triển, nâng cao tình nhân ái, phục vụ đời sống, sức khỏe nhân dân trong đó ưu tiên những người khó khăn nhất.

2. Mục đích cao cả của Hội là nhân đạo, hoà bình, hữu nghị, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

3. Hội là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên của phong trào Chữ thập đỏ - Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế.

4. Hội hoạt động trong phạm vi cả nước, theo Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, theo Điều lệ Hội và 7 nguyên tắc cơ bản của phong trào Chữ thập đỏ quốc tế: Nhân đạo, Vô tư, Trung lập, Độc lập, Tự nguyện, Thống nhất, Toàn cầu.

5. Hội hoạt động trong lĩnh vực nào thì chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực đó.

Điều 2. Tư cách pháp nhân của Hội

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

2. Trụ sở của Trung ương Hội đặt tại Hà Nội - Thủ đô nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Hội có biểu tượng riêng theo quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia: Công ước Geneve ngày 12 tháng 8 năm 1949 về việc cải thiện điều kiện của những người bị thương và bị bệnh thuộc các lực lượng vũ trang trên chiến trường (Công ước số I), Nghị định thư (I) bổ sung các Công ước Geneve ngày 12 tháng 8 năm 1949 về bảo vệ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang quốc tế có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 1994, Nghị quyết 17, 18, 19 về dấu hiệu thông báo và nhận dạng ngày 07 tháng 6 năm 1977.

4. Bài hát chính thức của Hội là “Sức mạnh của nhân đạo” của Nhạc sỹ Phạm Tuyên.

Điều 3. Nhiệm vụ của Hội

1. Tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, thanh, thiếu niên Chữ thập đỏ, tình nguyện viên Chữ thập đỏ và các tầng lớp nhân dân trong và ngoài nước tham gia các hoạt động nhân đạo của Hội, các chương trình nhân đạo xã hội của Nhà nước, trong các lĩnh vực: cứu trợ nhân đạo, phòng ngừa và ứng phó thảm họa; chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân thiên tai, nạn nhân chiến tranh, những người khuyết tật, trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa; tìm kiếm tin tức thân nhân và gia đình mất liên lạc trong và ngoài nước; giúp đỡ những người khó khăn, hoạn nạn vươn lên hoà nhập cộng đồng.

2. Tuyên truyền, vận động hội viên và nhân dân tham gia hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, các chương trình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng của Nhà nước trong các lĩnh vực: sơ cấp cứu ban đầu; vận động hiến máu cứu người; trồng và sử dụng cây thuốc Nam; tham gia phong trào vệ

sinh phòng bệnh, bảo vệ môi trường; phòng chống dịch và các tệ nạn xã hội.

3. Phối hợp với Hiệp hội Chữ thập đỏ – Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế và Hội Chữ thập đỏ, Trăng lưỡi liềm đỏ các nước đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới, tăng cường quan hệ hợp tác, phát triển vì hoà bình, hữu nghị giữa các dân tộc và sự tiến bộ của phong trào Chữ thập đỏ - Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế. Hợp tác với Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế tuyên truyền và thúc đẩy việc thực hiện 4 Công ước Geneve ngày 12 tháng 8 năm 1949 (Công ước về việc cải thiện điều kiện của những người bị thương và bị bệnh thuộc các lực lượng vũ trang trên chiến trường; Công ước về việc cải thiện điều kiện của những người bị thương, bị bệnh và bị đắm tàu thuộc các lực lượng vũ trang trên biển; Công ước về việc đối xử với tù binh; Công ước về việc bảo hộ thường dân trong chiến tranh); Nghị định thư bổ sung số I năm 1977 bổ sung các Công ước Geneve ngày 12 tháng 8 năm 1949 về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang quốc tế; 7 nguyên tắc cơ bản và các Nghị quyết của phong trào Chữ thập đỏ - Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế.

4. Xây dựng Hội vững mạnh, phát triển tổ chức và nâng cao chất lượng cán bộ, hội viên, thanh, thiếu niên, tình nguyện viên Chữ thập đỏ. Đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của cán bộ, hội viên, thanh, thiếu niên Chữ thập đỏ và tình nguyện viên Chữ thập đỏ Việt Nam.

Chương II **HỘI VIÊN, THANH, THIẾU NIÊN** **VÀ TÌNH NGUYỆN VIÊN CHỮ THẬP ĐỎ**

Điều 4. Hội viên của Hội

1. Những người Việt Nam đủ 16 tuổi trở lên, tán thành Điều lệ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, tự nguyện gia nhập Hội và đóng hội phí, thực hiện các quy định của Điều lệ Hội, tham gia sinh hoạt trong tổ chức của Hội, được công nhận là hội viên của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

2. Hội viên gồm:

a) Hội viên chính thức là những người trực tiếp và thường xuyên tham gia các hoạt động của Hội và sinh hoạt ở một tổ chức cơ sở của Hội;

b) Hội viên tán trợ là những người trực tiếp ủng hộ và vận động người khác ủng hộ các nguồn lực để Hội thực hiện nhiệm vụ;

c) Hội viên danh dự là những người có uy tín cao trong nhân dân, có đóng góp lớn cho Hội.

Điều 5. Nhiệm vụ của hội viên

1. Chấp hành Điều lệ và các nghị quyết của Hội; tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội trong các tầng lớp nhân dân; thường xuyên chăm lo phát triển hội viên và xây dựng Hội vững mạnh.

2. Thường xuyên tham gia sinh hoạt, hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ

của Hội và đóng hội phí đầy đủ.

3. Đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn, trong hoạt động của Hội và tổ chức cuộc sống gia đình.

Hội viên tán trợ và hội viên danh dự tùy theo điều kiện và khả năng của mình để cùng tham gia hoạt động và xây dựng tổ chức Hội. Hội viên tán trợ và hội viên danh dự không được tham gia ứng cử, đề cử vào ban lãnh đạo Hội và không được biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 6. Quyền của hội viên

1. Giới thiệu người đề hiệp thương bầu cử vào cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội.

2. Đề xuất, thảo luận, biểu quyết và giám sát công việc của Hội.

3. Tham gia sinh hoạt, hoạt động và tham dự các lớp đào tạo, tập huấn của Hội.

4. Được Hội bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng và giúp đỡ khi gặp khó khăn.

Điều 7. Thanh niên Chữ thập đỏ và Đội Thanh niên Chữ thập đỏ xung kích

1. Các cấp Hội phối hợp với các ngành và đoàn thể liên quan tập hợp thanh niên tham gia các hoạt động nhân đạo nhằm giáo dục lòng nhân ái cho thế hệ trẻ và xây dựng Hội vững mạnh.

Thanh niên Chữ thập đỏ gồm những thanh niên là hội viên, thanh niên tình nguyện, tích cực tham gia các hoạt động của Hội, có điều kiện, khả năng hoàn thành nhiệm vụ và tự nguyện tham gia Thanh niên Chữ thập đỏ.

2. Đội Thanh niên Chữ thập đỏ xung kích được các cấp Hội phối hợp với các ngành, đoàn thể thành lập và chỉ đạo hoạt động theo địa bàn dân cư, trường học, đơn vị công tác.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thanh niên Chữ thập đỏ và Đội Thanh niên Chữ thập đỏ xung kích

1. Thanh niên Chữ thập đỏ và Đội Thanh niên Chữ thập đỏ xung kích là lực lượng xung kích trong hoạt động của Hội.

2. Được Hội huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ và tạo điều kiện trong sinh hoạt và hoạt động.

3. Được Hội bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng và giúp đỡ khi gặp khó khăn.

4. Được cấp thẻ Thanh niên Chữ thập đỏ xung kích.

Điều 9. Thiếu niên Chữ thập đỏ

1. Thiếu niên Việt Nam từ 9 tuổi đến đủ 16 tuổi tự nguyện tham gia hoạt động nhân đạo được tổ chức thành lực lượng Thiếu niên Chữ thập đỏ.

2. Hoạt động của Thiếu niên Chữ thập đỏ do Hội phối hợp với các ngành, đoàn thể có liên quan hướng dẫn cụ thể.

Điều 10. Tình nguyện viên Chữ thập đỏ

Tình nguyện viên Chữ thập đỏ là những người tham gia các hoạt động nhân đạo và xây dựng tổ chức hội lâu dài hoặc từng việc ở một cấp hội với tinh thần tự nguyện đều được công nhận là Tình nguyện viên Chữ thập đỏ của cấp đó.

Chương III NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 11. Hệ thống tổ chức của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

1. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam được tổ chức theo 4 cấp:

- a) Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam;
- b) Cấp tỉnh: Hội Chữ thập đỏ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- c) Cấp huyện: Hội Chữ thập đỏ huyện, quận và tương đương;
- d) Cấp xã: Hội Chữ thập đỏ cơ sở xã, phường.

Hội Chữ thập đỏ cấp tỉnh, huyện và xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Các hình thức tổ chức linh hoạt:

a) Các cấp Hội được thành lập các chi hội trực thuộc, ban bảo trợ nhân đạo và các hình thức tổ chức khác theo quy định của pháp luật để đáp ứng kịp thời và linh hoạt yêu cầu phát triển về tổ chức và hoạt động nhân đạo của Hội;

b) Các hình thức tổ chức trên do cấp Hội thành lập trực tiếp lãnh đạo, quản lý theo đúng mục đích, nguyên tắc nhân đạo của Hội và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 12. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội

1. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, hiệp thương, thống nhất hành động theo Điều lệ Hội và 7 nguyên tắc cơ bản của phong trào Chữ thập đỏ - Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế.

2. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội thực hiện theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

3. Nghị quyết và quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các cấp Hội chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số uỷ viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp đó tán thành.

4. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của mỗi cấp Hội là Đại hội cấp đó. Đại hội cấp nào do Ban Chấp hành cấp đó triệu tập. Số lượng đại biểu Đại hội cấp nào

do Ban Chấp hành cấp đó quyết định. Thành phần đại biểu Đại hội gồm:

a) Đại biểu do Đại hội cấp dưới bầu cử. Ủy viên Ban Chấp hành cấp nào đương nhiên là đại biểu Đại hội cấp đó;

b) Ban Chấp hành cấp triệu tập Đại hội có quyền chỉ định đại biểu chính thức, nhưng không quá 10% (mười phần trăm) tổng số đại biểu được triệu tập.

Điều 13. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực các cấp Hội

1. Ban Chấp hành Hội cấp nào do Đại hội cấp đó bầu cử ra, là cơ quan lãnh đạo cao nhất của mỗi cấp Hội giữa hai kỳ Đại hội.

Cơ cấu, số lượng ủy viên Ban Chấp hành cấp nào do Đại hội cấp đó quyết định. Đại hội các cấp ủy quyền cho Ban Chấp hành cùng cấp khi cần thiết được bầu cử thêm ủy viên Ban Chấp hành, nhưng không quá 10% (mười phần trăm) số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội cấp đó quyết định và được Ban Thường vụ cấp trên trực tiếp công nhận.

2. Ban Thường vụ cấp nào do Ban Chấp hành cấp đó bầu cử ra, là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành. Cơ cấu, số lượng ủy viên Ban Thường vụ cấp nào do Ban Chấp hành cấp đó quyết định, nhưng không quá 1/3 (một phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành và do Đại hội quyết định và được Ban Thường vụ cấp trên trực tiếp công nhận.

3. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các cấp Hội được cơ cấu đại diện các ngành, các đoàn thể, các tổ chức kinh tế, xã hội, các cá nhân tiêu biểu trên cơ sở hiệp thương với các cá nhân và tổ chức có đại diện tham gia.

4. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ của từng cấp phải được Ban Thường vụ cấp trên trực tiếp công nhận.

5. Thường trực Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các cấp Hội:

a) Cấp Trung ương Hội: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Phó Tổng Thư ký là thường trực của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội.

b) Cấp tỉnh thành, quận, huyện Hội: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Thường trực là bộ phận thường trực của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành cấp đó.

c) Ban Chấp hành Hội cơ sở cấp xã bầu cử Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Thường trực. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Thường trực là bộ phận thường trực của Ban Chấp hành. Ban Chấp hành chỉ hội bầu cử Chi Hội trưởng, Chi Hội phó. Tổ hội bầu cử Tổ Hội trưởng, Tổ Hội phó.

d) Thường trực Hội cấp nào có nhiệm vụ và quyền hạn thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp đó chỉ đạo, điều hành, giải quyết mọi công việc của Hội giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ trên cơ sở chủ trương, nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp đó và báo cáo kết quả công việc với Ban Chấp hành và Ban Thường vụ trong kỳ họp gần nhất.

6. Ban Chấp hành các cấp khi khuyết uỷ viên thì được quyền bổ sung nhưng không được quá 1/3 (một phần ba) số uỷ viên do Đại hội quyết định và phải được Ban Thường vụ Hội cấp trên trực tiếp công nhận.

Điều 14. Chủ tịch danh dự của Hội

Các cấp Hội được mời Chủ tịch danh dự. Việc mời Chủ tịch danh dự cấp nào do Đại hội hoặc Ban Chấp hành cấp đó quyết định trong nhiệm kỳ Đại hội của cấp đó.

Điều 15. Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội

Đại hội đại biểu toàn quốc 5 năm họp một lần. Đại hội có nhiệm vụ:

1. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của nhiệm kỳ qua và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Hội nhiệm kỳ tới;
2. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội;
3. Bầu cử Ban Chấp hành Trung ương Hội.
4. Nếu quá nửa các tỉnh, thành Hội yêu cầu hoặc có tình hình đặc biệt thì Ban Chấp hành Trung ương Hội triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường.

Điều 16. Đại hội các cấp của Hội

1. Đại hội đại biểu cấp tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương 5 năm họp một lần; Hội cơ sở cấp xã tổ chức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu 5 năm một lần; Đại hội chi hội đặc thù và tổ chức Hội trong trường học do Ban Thường vụ Trung ương Hội quy định.

2. Đại hội các cấp có nhiệm vụ:

- a) Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của nhiệm kỳ qua và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Hội nhiệm kỳ tới;
- b) Bầu cử Ban Chấp hành mới;
- c) Tham gia ý kiến vào văn kiện Đại hội cấp trên và bầu cử đại biểu đi dự Đại hội cấp trên (nếu có).

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương Hội

1. Lãnh đạo toàn Hội thực hiện Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc.

2. Đánh giá kết quả công tác hàng năm và quyết định chương trình công tác năm tới của Hội.

3. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm và việc tiếp nhận, phân phối, sử dụng viện trợ. Quy định việc đóng và sử dụng hội phí.

4. Bầu cử Ban Thường vụ Trung ương Hội; bầu cử Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Phó Tổng Thư ký trong số uỷ viên Ban Thường vụ Trung ương Hội, bầu cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các uỷ viên Ban Kiểm tra

Trung ương Hội. Số lượng Phó Chủ tịch, Phó Tổng Thư ký, uỷ viên Ban Thường vụ, Phó Trưởng ban và uỷ viên Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương Hội họp thường kỳ ít nhất một năm một lần. Nếu quá nửa các uỷ viên Ban Chấp hành yêu cầu hoặc có tình hình đặc biệt thì Ban Thường vụ triệu tập Ban Chấp hành họp bất thường.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ Trung ương Hội

1. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Hội lãnh đạo mọi mặt công tác của Hội giữa hai kỳ hội nghị Ban Chấp hành.

2. Quyết định các chủ trương, biện pháp và tổ chức thực hiện Nghị quyết, chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

3. Tổng kết mô hình, chuyên đề và các hoạt động của Hội.

4. Quyết định các hình thức khen thưởng của Hội.

5. Ban Thường vụ Trung ương Hội họp thường kỳ ít nhất 6 tháng một lần.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Trung ương Hội

1. Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội chỉ đạo, điều hành, giải quyết mọi công việc của Hội giữa hai kỳ họp của Ban Thường vụ và báo cáo kết quả công việc với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ trong kỳ họp gần nhất.

2. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội.

3. Quyết định các biện pháp để kịp thời vận động, trợ giúp đồng bào các địa phương trong nước khi bị thiên tai, thảm họa.

4. Chỉ đạo việc tiếp nhận, quản lý, phân phối và sử dụng các nguồn cứu trợ, viện trợ.

5. Giữ mối liên hệ và đại diện cho Hội trong các quan hệ đối nội và đối ngoại.

6. Lãnh đạo, quản lý, điều hành cơ quan Trung ương Hội; xây dựng cơ quan Trung ương Hội vững mạnh.

7. Tuỳ theo nhu cầu, Thường trực Trung ương Hội lập các ban, đơn vị và trung tâm trực thuộc.

Điều 20. Tổ chức Hội cấp tỉnh, thành trực thuộc Trung ương, cấp huyện, quận và tương đương

1. Hội nghị Ban Chấp hành cấp tỉnh, thành trực thuộc Trung ương, cấp cấp huyện, quận và tương đương bầu cử Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Uỷ viên Thường trực trong số uỷ viên Ban Thường vụ; bầu cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các uỷ viên Ban Kiểm tra cấp mình. Số lượng Phó Chủ tịch, Uỷ viên Ban Thường vụ, Phó Trưởng ban và uỷ viên Ban Kiểm tra

cấp nào do Ban Chấp hành cấp đó quyết định.

2. Ban Chấp hành cấp tỉnh, thành, tương đương được lập các ban, đơn vị và trung tâm trực thuộc.

3. Ban Chấp hành cấp huyện, quận và tương đương được lập các bộ phận chuyên môn, các trung tâm, đơn vị trực thuộc.

4. Ban Chấp hành cấp tỉnh, thành trực thuộc Trung ương, huyện, quận và tương đương có nhiệm vụ:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra cấp dưới thực hiện Nghị quyết Đại hội cấp mình và các chủ trương công tác của Hội cấp trên;

b) Đánh giá kết quả công tác theo định kỳ và quyết định chương trình công tác tới;

c) Thông qua việc thu, chi, tiếp nhận, phân phối, sử dụng hàng, tiền cứu trợ, viện trợ (nếu có).

d) Chỉ đạo việc xây dựng quỹ Hội, việc thu và sử dụng hội phí.

5. Ban Chấp hành Hội cấp tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương họp thường kỳ ít nhất 6 tháng một lần. Ban Thường vụ cấp tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương họp thường kỳ ít nhất 3 tháng một lần.

Điều 21. Tổ chức Hội Chữ thập đỏ cơ sở cấp xã

1. Hội Chữ thập đỏ cơ sở cấp xã là nền tảng của Hội, được thành lập ở cấp xã. Hội Chữ thập đỏ cấp cơ sở gồm nhiều chi hội, chi hội đông hội viên chia thành nhiều tổ hội.

2. Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ cơ sở cấp xã và Ban Chấp hành chi Hội có nhiệm vụ:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội cấp mình và các chủ trương công tác của Ban Chấp hành Hội cấp trên;

b) Liên hệ mật thiết, động viên, khuyến khích và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho hội viên; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của hội viên, thanh, thiếu niên Chữ thập đỏ và tình nguyện viên Chữ thập đỏ Việt Nam;

c) Xây dựng quỹ hội, phát triển hội viên và xây dựng tổ chức Hội cơ sở vững mạnh.

3. Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ cơ sở cấp xã và Ban Chấp hành chi hội họp thường kỳ ít nhất 3 tháng một lần, tổ hội họp thường kỳ ít nhất một tháng một lần.

Chương IV CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA HỘI

Điều 22. Hoạt động kiểm tra của các cấp Hội

1. Kiểm tra là nhiệm vụ quan trọng của các cấp Hội. Lãnh đạo các cấp Hội phải chủ động, thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức Hội và cán bộ, hội viên có trách nhiệm tham gia công tác kiểm tra của Hội, đồng thời

chịu sự kiểm tra của Hội.

2. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực các cấp Hội có nhiệm vụ lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức Hội và cán bộ, hội viên trong việc chấp hành chủ trương, Nghị quyết, nguyên tắc, chế độ, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội.

Điều 23. Ban Kiểm tra các cấp của Hội

1. Hội nghị Ban Chấp hành từ Trung ương đến huyện, quận và tương đương bầu cử Ban Kiểm tra cấp mình. Hội cơ sở cấp xã bầu cử một uỷ viên Ban Chấp hành phụ trách công tác kiểm tra. Ban Kiểm tra các cấp gồm Trưởng ban là uỷ viên Ban Thường vụ và một số uỷ viên trong và ngoài Ban Chấp hành. Việc công nhận và cho rút tên trong danh sách Ban Kiểm tra phải được Ban Chấp hành cùng cấp nhất trí và Ban Thường vụ cấp trên trực tiếp công nhận. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng cấp.

2. Ban Kiểm tra các cấp có nhiệm vụ:

a) Tham mưu cho các cấp Hội về công tác kiểm tra của Hội và bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của cán bộ, hội viên, thanh, thiếu niên Chũr thập đỏ và tình nguyện viên Chũr thập đỏ Việt Nam;

b) Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Hội; việc thu và sử dụng hội phí; các hoạt động kinh tế, tài chính; việc tiếp nhận, phân phối, sử dụng tiền, hàng cứu trợ, viện trợ của các đơn vị thuộc Ban Chấp hành cùng cấp và cấp dưới;

c) Kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức Hội cấp dưới;

d) Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của cán bộ, hội viên.

Điều 24. Nguyên tắc làm việc của Ban Kiểm tra

Ban Kiểm tra các cấp làm việc theo chế độ tập thể, chịu sự lãnh đạo của Ban Chấp hành cùng cấp và sự chỉ đạo của Ban Kiểm tra cấp trên. Trường hợp phải kiểm tra một uỷ viên Ban Chấp hành cùng cấp phải được sự đồng ý của Ban Thường vụ cấp đó, kiểm tra xong phải báo cáo để Ban Chấp hành quyết định. Thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với Ban Kiểm tra hay một uỷ viên Ban Kiểm tra áp dụng như đối với tổ chức Hội hay một uỷ viên Ban Chấp hành cùng cấp.

Chương V TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 25. Tài chính của Hội

1. Các nguồn thu tài chính của Hội gồm :

a) Hội phí của hội viên;

b) Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Hội theo quy định

của pháp luật;

c) Thu từ sự quyên góp hảo tâm của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước ủng hộ Hội và Quỹ nhân đạo;

d) Thu cứu trợ và viện trợ nhân đạo, các dự án, chương trình phát triển của các cá nhân và tổ chức quốc tế thông qua Hội;

e) Ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo quy định của pháp luật;

g) Những khoản thu từ việc thực hiện nhiệm vụ và các chương trình của Nhà nước .

2. Các khoản chi:

a) Chi cho hoạt động của Hội.

b) Chi cứu trợ nhân đạo cho các đối tượng dễ bị tổn thương, nạn nhân chiến tranh, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các thảm họa khác.

c) Chi phòng ngừa và ứng phó thảm họa.

d) Chi cho chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng.

e) Chi kinh phí hoạt động của các cấp Hội (lương, phụ cấp, kinh phí quản lý hành chính khác).

g) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật và yêu cầu của nhà tài trợ.

Việc quản lý, sử dụng tài chính của Hội phải thực hiện các quy định của Nhà nước, hướng dẫn của Trung ương Hội và nhà tài trợ.

Điều 26. Tài sản và việc lập Quỹ của Hội

Hội có tài sản riêng và được mở tài khoản theo quy định của pháp luật. Các cấp Hội được lập Quỹ nhân đạo, Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam và các quỹ khác theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động nhân đạo.

Chương VI KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 27. Khen thưởng của Hội

Tổ chức Hội và cán bộ, hội viên, thanh, thiếu niên Chữ thập đỏ; tình nguyện viên Chữ thập đỏ và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có thành tích xuất sắc trong công tác Chữ thập đỏ thì được Hội khen thưởng hoặc đề nghị Nhà nước và các cấp chính quyền, Mặt trận Tổ quốc các cấp, Hiệp Hội, Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế hoặc các Hội quốc gia khác khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Kỷ luật của Hội

Cán bộ, hội viên và tổ chức Hội hoạt động trái với Điều lệ, chủ trương, Nghị quyết của Hội hoặc làm tổn hại đến danh dự, uy tín của Hội thì tùy mức

độ, tính chất sai lầm mà áp dụng một trong các hình thức kỷ luật:

1. Đối với cán bộ, hội viên: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ ra khỏi Hội;
2. Đối với tổ chức Hội: khiển trách, cảnh cáo, đề nghị cấp có thẩm quyền giải tán tổ chức đó.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 29. Sửa đổi và hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung và thông qua Điều lệ Hội.

Điều lệ Hội và các nội dung sửa đổi được thông báo cho Hiệp Hội Chữ thập đỏ - Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế và Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế .

2. Ban Thường vụ Trung ương Hội có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội.

Điều 30. Hiệu lực thực hiện Điều lệ Hội

1. Điều lệ này gồm 7 Chương và 30 Điều đã được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam lần thứ VIII vào ngày 29/6/2007 và có hiệu lực kể từ ngày được Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Mọi cán bộ, hội viên và tổ chức Hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Hội./.